

Bản án số: 02/2024/HS-ST  
Ngày 28-3-2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Mến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Công.

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Duy Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 14/3/2024, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Trịnh Ngọc T** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/4/1996 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: **Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi**. Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông **Trịnh Châu Ngọc C**, sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị Thanh K**, sinh năm 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: ngày 17/01/2012 có hành vi trộm cắp tài sản, **Công an huyện T** bắt và **Ủy ban nhân dân huyện T** ra Quyết định số 66/QĐ/UBND đưa vào **Trường G**, bị cáo chưa chấp hành xong; tiền án: có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản”, tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: ngày 01/7/2009 có hành vi trộm cắp tài sản, bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện T** ra Quyết định đưa vào **Trường G**. Bị tạm giữ, từ 19 giờ 15 phút ngày 26/7/2023 đến 15 giờ 35 phút ngày 04/8/2023 có lệnh tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện S**, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Phụng H** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/12/1999 tại Bình Định. Nơi cư trú: **Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông **Nguyễn T1 (Nguyễn Quang T2)**, sinh năm 1973 và bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1976. Vợ: Chưa có; có 01 con: **Nguyễn Hoàng Bảo A**, sinh năm 2019. Tiền sự: Không; tiền án: có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị tạm giữ từ 19 giờ 30 phút ngày 26/7/2023 đến 16 giờ 05 phút

ngày 04/8/2023 có lệnh tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- Bà Huỳnh Thị H1, sinh ngày 11/10/1963.

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Ông Phạm Thế P1, sinh ngày 20/9/1996.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Như Q, sinh ngày 22/3/2003.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

*Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Hồng Thị Thanh H2, sinh ngày 10/5/1967.

Nơi cư trú: Tổ C, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn H3, sinh ngày 18/01/1999.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau khi chấp hành án tại Trại giam K1; ngày 23/7/2023, Nguyễn Phương H đến nhà Trịnh Ngọc T chơi. Ngày 24/7/2023, sau khi uống cà phê cùng Nguyễn Phương H xong thì T điều khiển xe mô tô mang biển số 76E1-173.37, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xám đen chở H đi dạo, trong quá trình đi, T rủ H cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, H đồng ý. Lúc này, T chở H đi theo hướng từ xã N, huyện T lên huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để tìm người cướp giật tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T và H đi đến đoạn đường đèo C thuộc tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, thì T phát hiện bà Huỳnh Thị H1 đang bán tạp hóa tại nhà trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng. T điều khiển xe đi thêm một đoạn khoảng 500 mét thì dừng lại, sau đó quay đầu xe đi vượt qua quán tạp hóa rồi quay đầu xe đi đến trước quán T3 dừng lại. Lúc này thấy quán tạp hóa không còn khách, T nói H xuống xe giả vờ vào quán mua nước rồi giật sợi dây chuyền bà H1 đang đeo trên cổ. Nghe vậy H đồng ý, T ở ngoài nổ máy xe đợi sẵn, H đi vào trong quán giả vờ hỏi bà H1 mua 02 chai nước suối; khi bà H1 quay lưng lại phía H và khom người lấy nước thì H dùng tay phải giật sợi dây chuyền màu vàng bà H1 đang đeo trên cổ rồi nhanh chóng chạy ra nơi T đang đợi sẵn và cùng nhau tẩu thoát.

Sau khi tiêu xài hết số tiền từ việc bán giật sợi dây chuyền màu vàng, vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 25/7/2023, T rủ H cùng đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài; H đồng ý. Lúc này, T lấy chiếc xe mô tô, loại Exiter, màu xám đen, mang biển số 76E1 – 173.37 điều khiển chở H ngồi phía sau đi xuống các tuyến đường ở thành phố Q để tìm người dân sơ hở trong quản lý tài sản thì trộm cắp; tuy nhiên, tại đây T, H không thực hiện được vụ trộm nào. Thịnh, H tiếp tục di chuyển xuống đường Quốc lộ 1A và chạy vào hướng Nam, đi đến ngã tư T thuộc huyện M



thì rẽ vào tuyến đường Q rồi theo đường này theo hướng đi huyện B; đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 26/7/2023, khi T, H đi đến đoạn đường thuộc thôn H, xã P, thị xã Đ thì T phát hiện nhà ông Phạm Thế P1 có che trại và trang trí đám cưới, bên phải đường và thấy chỉ còn một, hai người đang dọn dẹp trong nhà; T nảy sinh ý định sẽ trộm cắp tài sản tại nhà ông P1 nhưng vì còn người đang dọn dẹp nên T nói với H quay xe lại, canh những người này đi ngủ rồi lên vào nhà để xem có tài sản gì thì trộm cắp, H đồng ý. T điều khiển xe chở H chạy ngược lại về ngã tư T ăn bún. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26/7/2023, sau khi ăn xong T, H quay lại chỗ nhà ông P1, rồi chạy vượt qua và nhìn vào bên trong thì thấy có 01 cái thùng trái tim đựng tiền mừng đám cưới, T nghĩ sẽ có tiền bên trong nên nói với H cùng trộm cái thùng này. Sau đó, T, H quay đầu xe lại chạy ngược xuống thì không thấy có người trong nhà và dừng xe cách đám cưới khoảng 200 mét. T nói H đứng đợi và trông xe, đồng thời cảnh giới những người xung quanh; T đi bộ đến nhà ông P1, thấy cổng không đóng, cửa nhà mở, không có người ngủ trước nhà. T đi vào nhà thấy thùng đựng tiền mừng đám cưới để trên bàn ở phòng khách, T đến gần kiểm tra nhưng không có tiền bên trong, T tiếp tục đi theo đường hành lan nhà xuống phía dưới thì phát hiện một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max, màu trắng của bà Phạm Thị Như Q (em ruột ông Phạm Thế P1) để trên bàn, T lên lút trộm chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần, rồi quay lưng lại thì thấy có 01 chìa khóa xe, loại khóa thông minh treo trên vách tường nhà, T lên lút lấy chìa khóa rồi đi ra ngoài sân, bấm chìa khóa thì thấy một chiếc xe mô tô loại xe Airbale, màu xám đen, được gắn biển số kiểm soát 76H1 – 504.20 của ông P1 sáng đèn, T lại gần lên lút trộm chiếc xe này, dắt bộ ra ngoài cổng rồi dắt xuống chỗ H đang đứng đợi. Sau khi đến chỗ H thì T bấm nút mở khóa xe, đề máy rồi điều khiển chiếc xe này bỏ chạy theo hướng lên huyện B, H điều khiển chiếc xe Exciter chạy theo sau; sau đó, cả hai đi theo hướng về huyện N rồi về nhà T tại thôn A, xã N, huyện T. Khi về đến nhà T thì H đi ngủ; T để chiếc xe Airbale mang biển số 76H1 – 504.20 vừa trộm được bên hông nhà, rồi lấy trực vít có sẵn trong cốp xe Airbale mở biển số xe của xe Airbale cất giấu và mở biển số xe 76E1 -173.37 của chiếc xe Exciter gắn vào chiếc xe Airbale rồi ngồi canh giữ. Đến khoảng 7 giờ 00 phút cùng ngày, T đến xã N, huyện T uống cà phê thì gặp Phạm Văn H3, H3 sửa xe máy đầu ngõ nhà T, H3 mời T ăn sáng, uống cà phê; sau khi uống cà phê xong T lấy xe Exciter lúc này không còn gắn biển số chạy đến tiệm phế liệu của ông Võ Văn P2 mua 01 miếng nhựa xe mô tô chắn bùn sau xe có gắn sẵn 01 cái biển số xe 76U1 – 1606 và lợi dụng lúc ông P2 không để ý có biển số gắn trên chắn bùn này thì T trả tiền và mang đi; khi về đến nhà, T gắn biển số 76U1-1606 này vào xe Exciter. Xong việc T gọi điện cho H3 nói với H3 có chiếc xe Airbale (lúc này đã được gắn biển số 76E1 – 173.37) không nổ máy nên nhờ H3 ra nhà đẩy vào tiệm sửa giúp. H3 vào nhà T đẩy xe ra sửa, sửa xong thì T gợi ý bán chiếc xe này cho H3; T nói với H3 chiếc xe này của mấy người đánh bạc thế chấp cho T, không có giấy tờ nếu H3 mua thì T sẽ bán với giá 10.000.000đồng, H3 nói để xem lại rồi sau đó đồng ý mua. T nhận tiền, mang về nhà chia cho H 3.500.000đồng, còn lại 6.500.000đồng Thịnh cất giữ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lực lượng Công an huyện S phát hiện 02 chiếc xe nói trên nên mời T và H về



trụ sở làm việc, tại cơ quan Công an, **T** và **H** đã khai nhận hành vi “cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản” như nói trên.

Qua xác minh tin báo của những người bị hại, đến ngày 26/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** phát hiện tạm giữ các đồ vật tài liệu đồng thời tiến hành thụ lý, giải quyết. Ngày 04/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phương H** về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngày 10/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** đã khởi tố vụ án, ngày 16/10/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phương H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

\* Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-KTHS, ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện S** kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền được làm bằng vàng tây (vàng 18K), có trọng lượng 02 chỉ, sợi dây chuyền không có mặt, gồm nhiều móc xích nối lại với nhau tại thời điểm tháng 7/2023 có giá: 7.180.000đồng.

\* Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-KTHS, ngày 29/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thị xã Đ** kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô biển kiểm soát 76H1-504.20 (đã được đối tượng trộm cắp tài sản trao đổi thành biển kiểm soát 76E1-173.37), nhãn hiệu HONDA AIRBALADE, màu sơn: Đen bạc, số máy: KF41E-0208882, số khung: RLHKF4107NZ112097 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX 64GB, số Imei: 353897100600750, số Imei2: 353897100609009, màu trắng, trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại **thôn H, xã P, thị xã Đ** vào ngày 26/7/2023 là: 57.170.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKS-SH ngày 17/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà truy tố các bị cáo **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phương H** về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phương H** đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo **Trịnh Ngọc T**, áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù giam.



- Đối với bị cáo **Nguyễn Phương H**, áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội từ 05 năm đến 06 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 7.400.000đồng cho bà **Huỳnh Thị H1**, bà **H1** không còn yêu cầu gì. Bị hại **Phạm Thế P1**, **Phạm Thị Như Q** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Phạm Văn H3** không yêu cầu bồi thường, khắc phục hậu quả về phần dân sự, Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** đã trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Airblade, hãng **H6**, số máy KF41E 0208882, số khung: RLHKE4107NZ112097 và biển số 76H1-504.20, 01 chiếc chìa khóa xe mô tô, loại chìa khóa thông minh, màu đen có chữ HONDA cho **Phạm Thế P1** là chủ sở hữu; trả lại 01 (một) xe mô tô loại Yamaha, màu bạc - đen, số máy: 55P1282784, số khung: RLCE55P10ĐY 282781 và biển kiểm soát 76E1-173.37 cho bà **Phạm Thị Tuyết L** là chủ sở hữu và trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max; số imei: 353897100600750, số imei 2: 353897100609009, màu trắng cho bà **Phạm Thị Như Q** là chủ sở hữu, Viện kiểm sát thấy có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) biển số xe mô tô 76U1- 1606; 01 (một) chiếc quần dài màu đen, loại quần Jeans; 01 (một) chiếc áo thun ngắn tay, màu đen, phía trước áo có dòng chữ AIRLAB, phía dưới dòng chữ AIRLAB có dòng chữ MKATFMEDC; 01 (một) mũ bảo hiểm (kiểu mũ lưỡi trai), màu đen, trên mũ có ghi dòng chữ CKC CHUNKUA; 01 (một) áo khoác có mũ, dài tay, màu xám tím, trên áo có ghi nhiều chữ DiOR; 01 (một) mũ lưỡi trai màu xanh, có viền màu đen, có dòng chữ Nike FIT; 01 (một) chiếc quần tây dài màu đen, có size 29; 01 (một) chiếc sơ mi ngắn tay, màu đen, phía trước có sọc carô màu vàng, trên cổ áo có chữ BURBERRY, các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, có số imei1: 861128054784373, số imei2: 861128054784365 cho **Trịnh Ngọc T**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, có số Imei 1: 350335891284909, số Imei 2: 350335891284917 cho **Nguyễn Phương H**, đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000đồng (Trong đó, số tiền 6.500.000đồng là của **Trịnh Ngọc T**, 3.500.000 đồng là của **Nguyễn Phụng H**), vì đây là số tiền mà các bị cáo phạm tội mà có.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại **Huỳnh Thị H1** đã nhận đủ số tiền các bị cáo bồi thường nên không yêu cầu gì về dân sự và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện S**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện S**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 24/7/2023 **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phụng H** đã cướp giật 01 (một) sợi dây chuyền được làm bằng vàng tây (vàng 18K) của bà **Huỳnh Thị H1** tại **tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** với giá trị 7.180.000đồng và ngày 26/7/2023 **T** và **H** đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô của ông **Phạm Thế P1** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max 64GB của bà **Phạm Thị Như Q** tại **thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi** với tổng trị giá là 57.170.000đồng. Vì vậy, hành vi của **T** và **H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cướp giạt tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự và tội “ Trộm cắp tài sản” qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ý thức coi thường pháp luật, lười lao động thích ăn chơi nên



các bị cáo vẫn bất chấp, mặc dù bị cáo **T** từng bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội “Cướp tài sản”, tội “Cướp giạt tài sản”, tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo **H** bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là gián đơn, các bị cáo không có phân công cụ thể, không có tổ chức chặt chẽ, không có kế hoạch cụ thể trước khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này, **T** là người khởi xướng, chủ động rủ rê **Nguyễn Phụng H** cướp giạt tài sản tại **tổ dân phố C, thị trấn D, huyện S** và trộm cắp tài sản tại **thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**; đồng thời, **T** là người thực hành tích cực và là người trực tiếp chiếm đoạt 01 xe máy của ông **Phạm Thế P1** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max 64GB của bà **Phạm Thị Như Q**. Đối với **Nguyễn Phụng H**, **H** là người thực hành tích cực và là người trực tiếp cướp giạt 01 sợi dây chuyền được làm bằng vàng tây (vàng 18K) của bà **Huỳnh Thị H1** và là người cảnh giới để **T** lên lút trộm cắp tài sản của ông **Phạm Thế P1** và bà **Phạm Thị Như Q**.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo **Trịnh Ngọc T**: Ngày 28/10/2014, **T** bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 13 năm tù về tội Cướp tài sản, tội Cướp giạt tài sản và tội Trộm cắp tài sản; đến ngày 20/01/2023 chấp hành xong án phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với **Nguyễn Phụng H**: Ngày 18/3/2021, **H** bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 18/10/2022 **H** chấp hành xong án phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bà **Huỳnh Thị H1**; bà **H1** xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.



[8] Đối với bà **Hồng Thị Thanh H2** là người đã mua lại 01 (một) sợi dây chuyền màu vàng của **Trịnh Ngọc T**, quá trình mua sợi dây chuyền vàng của **T** bà **H2** không biết sợi dây chuyền vàng mà **T** bán là tài sản do **T** cướp giật mà có, **T** cũng không nói với bà **H2** về việc này. Vì vậy không có căn cứ xử lý bà **Hồng Thị Thanh H2** về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với ông **Phạm Văn H3** là người mua lại chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, có gắn biển số 76H1-173.37 của **Trịnh Ngọc T**, **T** nói với **H3** chiếc xe này do những người đánh bạc cầm cố cho **T** nên **T** bán, **H3** thấy rẻ nên mua lại để sử dụng, bản thân **H3** hoàn toàn không biết chiếc xe này do **T** trộm cắp mà có. Vì vậy không có căn cứ xử lý **Phạm Văn H3** về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với 01 chiếc xe mô tô loại Yamaha, màu bạc-đen, có gắn biển số 76E1-173.37, trong quá trình xác minh chủ sở hữu xe Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** phát hiện **Trần Văn Đ** ở **phường L, thành phố Q** có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Đại mượn chiếc xe mô tô nói trên của bà **Phạm Thị Tuyết L**, sau đó chiếm đoạt bằng hình thức cầm cố cho **Nguyễn Hồng H4** trú tại **phường N, thành phố Q**). Sự việc xảy ra tại **thành phố Q**; ngày 04/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** ban hành Công văn số 280/CV-CSĐT trao đổi thông tin với Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Q** để giải quyết theo thẩm quyền. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** không xử lý trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Huỳnh Thị H1** đã nhận đủ số tiền 7.400.000đồng do bị cáo **Trịnh Ngọc H5** và bị cáo **Nguyễn Phương Hoàng** bồi t, bà **H1** không còn yêu cầu gì. Đối với bị hại **Phạm Thế P1**, **Phạm Thị Như Q** đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì, riêng ông **Phạm Văn H3** không yêu cầu các bị cáo bồi thường về phần dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện S** đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, hãng Honda, số máy KF41E 0208882, số khung: RLHKE4107NZ112097 và biển số 76H1-504.20, 01 chiếc chìa khóa xe mô tô, loại chìa khóa thông minh, màu đen có chữ HONDA cho ông **Phạm Thế P1** là chủ sở hữu; trả lại 01 xe mô tô loại Yamaha, màu bạc - đen, số máy: 55P1282784, số khung: RLCE55P10ĐY 282781 và biển kiểm soát 76E1-173.37 cho bà **Phạm Thị Tuyết L** là chủ sở hữu và trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max; số Imei: 353897100600750, **số I**: 353897100609009, màu trắng cho bà **Phạm Thị Như Q** là chủ sở hữu. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không giải quyết.

Xét thấy: 01 (một) biển số xe mô tô 76U1- 1606; 01 (một) chiếc quần dài màu đen, loại quần Jeans; 01 (một) chiếc áo thun ngắn tay, màu đen, phía trước áo có dòng chữ AIRLAB, phía dưới dòng chữ AIRLAB có dòng chữ MKATFMEDC; 01 (một) mũ bảo hiểm (kiểu mũ lưỡi trai), màu đen, trên mũ có ghi dòng chữ CKC CHUNKUA; 01 (một) áo khoác có mũ, dài tay, màu xám tím, trên áo có ghi nhiều



chữ DiOR; 01 (một) mũ lưỡi trai màu xanh, có viền màu đen, có dòng chữ Nike FIT; 01 (một) chiếc quần tây dài màu đen, có size 29; 01 (một) chiếc sơ mi ngắn tay, màu đen, phía trước có sọc carô màu vàng, trên cổ áo có chữ BURBERRY; các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, có số Imei: 861128054784373, số I: 861128054784365; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, có số Imei 1: 350335891284909, số Imei 2: 350335891284917 là tài sản hợp pháp của các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 10.000.000đồng (trong đó, số tiền 6.500.000đồng là của **Trịnh Ngọc T**, 3.500.000 đồng là của **Nguyễn Phương H**), đây là số tiền mà các bị cáo phạm tội mà có nên cần tuyên sung quỹ Nhà nước.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trịnh Ngọc T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cướp giạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trịnh Ngọc T** 03 (ba) năm 06 (sáu) tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là 07 (bảy) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phương H** 03 (ba) năm tù giam về tội “Cướp giạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phương H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2023.

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo **Trịnh Ngọc T** và bị cáo **Nguyễn Phương H** mỗi bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) biển số xe mô tô 76U1- 1606; 01 (một) chiếc quần dài màu đen, loại quần Jeans; 01 (một) chiếc áo thun ngắn tay, màu đen, phía trước áo có dòng chữ AIRLAB, phía dưới dòng chữ AIRLAB có dòng chữ MKATFMEDC; 01 (một) mũ bảo hiểm (kiểu mũ lưỡi trai), màu đen, trên mũ có ghi dòng chữ CKC CHUNKUA; 01 (một) áo khoác có mũ, dài tay, màu xám tím, trên áo có ghi nhiều chữ DiOR; 01 (một) mũ lưỡi trai màu xanh, có viền màu đen, có dòng chữ Nike FIT; 01 (một) chiếc quần tây dài màu đen, có size 29; 01 (một) chiếc sơ mi ngắn tay, màu đen, phía trước có sọc carô màu vàng, trên cổ áo có chữ BURBERRY. (Phần ảnh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/01/2024 giữa **Công an huyện S** và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà).

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo, màu xanh đen, có số Imeil: 861128054784373, số Imei2: 861128054784365 cho **Trịnh Ngọc H5**; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, có số Imei 1: 350335891284909, số Imei 2: 350335891284917 cho **Nguyễn Phương H** (Phần ảnh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/01/2024 giữa **Công an huyện S** và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà).

Sung quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000đồng phản ảnh tại Ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 25/01/2024 giữa **Công an huyện S** và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hà.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí: Buộc các bị cáo **Trịnh Ngọc T** và **Nguyễn Phương H**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại **Ủy ban nhân dân N**.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án



dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Cơ quan CSĐT - Công an huyện S;
- Nhà tạm giữ Công an huyện S;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án
- Lưu hồ sơ vụ án + án văn.

*(Đã ký)*

**Trần Mến**